

Số: 4884/QĐ-BNN-PCTT

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung
lĩnh vực phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Phòng, chống thiên tai và Chánh Văn phòng Bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính *sửa đổi, bổ sung* lĩnh vực phòng chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (có danh mục cụ thể kèm theo).

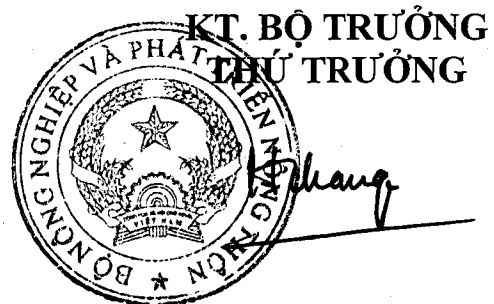
Các thủ tục hành chính được công bố theo Quyết định này được ban hành tại Thông tư số 46/2011/TT-BNNPTNT và Thông tư số 11/2017/TT-BNNPTNT ngày 29/5/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Tổng cục trưởng Tổng cục Phòng chống thiên tai, Thủ trưởng các Vụ, Cục, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT Tr TT- Hà Công Tuấn;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Văn phòng Bộ (Phòng Kiểm soát TTHC);
- Vụ Pháp chế, Công dữ liệu quốc gia
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW (bản PDF);
- Cổng thông tin điện tử của Bộ, Báo Nông nghiệp;
- Lưu: VT, PCTT.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Hoàng Văn Thắng

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC PHÒNG,
CHỐNG THIÊN TAI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

(Ban hành kèm theo Quy chế định số 4884/QĐ-BNN-PCTT ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Phần I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

S T T	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1	BNN- 288194	Thẩm định các hoạt động sử dụng bãi sông liên quan đến đề điều nơi chưa có công trình xây dựng để xây dựng công trình theo dự án đầu tư do Thủ tướng phê duyệt	Thông tư số 11/2017/TT-BNNPTNT ngày 29/5/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Phòng, chống thiên tai	Tổng cục Phòng, chống thiên tai
2	BNN- 288196	Chấp thuận các hoạt động liên quan đến đề điều đối với đề cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III và các hoạt động xây dựng, cải tạo công trình giao thông liên quan đến đề điều mà phạm vi ảnh hưởng từ hai tỉnh trở lên.		Phòng, chống thiên tai	Tổng cục Phòng, chống thiên tai

luc

hp

Phần II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Tên thủ tục hành chính: Thẩm định các hoạt động sử dụng bãi sông liên quan đến đê điều nơi chưa có công trình xây dựng để xây dựng công trình theo dự án đầu tư do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định gửi hồ sơ đến Tổng cục Phòng, chống thiên tai thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Bước 2: Hoàn chỉnh hồ sơ:

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định hoặc cần bổ sung tài liệu trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Tổng cục Phòng, chống thiên tai có thông báo bằng văn bản về những nội dung chưa đầy đủ, yêu cầu bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ.

- Bước 3:

Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Tổng cục Phòng, chống thiên tai xem xét hồ sơ, có ý kiến thẩm định bằng văn bản và trả kết quả tại Tổng cục Phòng, chống thiên tai hoặc qua hệ thống bưu chính.

2. Cách thức thực hiện

Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp;
- Theo đường bưu điện;

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ gồm:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 46/2011/TT-BNNPTNT ngày 27/06/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

- Ý kiến bằng văn bản của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về đề nghị của Chủ đầu tư;

- Hồ sơ dự án gồm: Thuyết minh, thiết kế cơ sở, phụ lục tính toán, trong đó thể hiện những nội dung liên quan đến quy hoạch phòng chống lũ của tuyến sông có đê, quy hoạch đê điều, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng được phê duyệt và kết quả tính toán đáp ứng theo yêu cầu về an toàn đê điều, thoát lũ theo quy định tại khoản 3, Điều 26 Luật Đê điều và Điều 5 Nghị định 113/2007/NĐ-CP ngày 28/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

- Văn bản khác có liên quan đến việc xây dựng, thực hiện dự án (nếu có);

- Văn bản thẩm tra của đơn vị tư vấn độc lập về sự ảnh hưởng của công trình đến an toàn đê điều và thoát lũ lòng sông, cụ thể về sự giảm lưu lượng lũ thiết kế; tăng mực nước lũ thiết kế; ảnh hưởng đến dòng chảy khu vực lân cận, thượng lưu, hạ lưu; ổn định lòng dẫn; ổn định thân đê, nền đê khu vực xây dựng công trình;

- Đối với công trình mà phạm vi ảnh hưởng từ hai tỉnh trở lên phải có ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan;

lu h

b) Số lượng: 02 bộ (1 bộ bản chính, 1 bộ bản sao).

4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Cơ quan;
- Tổ chức;
- Cá nhân.

6. Cơ quan giải quyết TTHC: *Tổng cục Phòng, chống thiên tai*

7. Kết quả thực hiện TTHC Văn bản thẩm định

8. Phí, lệ phí: Không

9. Tên mẫu đơn, tờ khai:

- Có (Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 46/2011/TT-BNNPTNT ngày 27/06/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT);

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC.

- Luật Đê điều số 79/2006/QH11 ngày 29/11/2006;
- Thông tư số 46/2011/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trình tự thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đê điều;

- Thông tư số 11/2017/TT-BNNPTNT ngày 29/5/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT.

lcw

Số:/.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ TRÌNH

**Đề nghị thẩm định dự án đầu tư xây dựng
sử dụng bãi sông nơi chưa có công trình xây dựng**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2006 và Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28/6/2007 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai năm 2013 và Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và Nghị định số 42/2017 ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch phòng, chống lũ và Quy hoạch đề điều hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình;

Căn cứ các quy hoạch phòng, chống lũ chi tiết; quy hoạch đề điều; quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch xây dựng và các quy hoạch khác liên quan (nếu có) được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

Các căn cứ pháp lý, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị Bộ Nông nghiệp thẩm định dự án đầu tư xây dựng sử dụng bãi sông nơi chưa có công trình xây dựng với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án:
2. Chủ đầu tư:
3. Tổ chức tư vấn lập dự án:
4. Chủ nhiệm lập dự án:
5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:
6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:
7. Địa điểm xây dựng:
8. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở):
9. Loại, cấp công trình:
10. Giải pháp kỹ thuật và kết cấu công trình:



11. Sự phù hợp về quy hoạch phòng chống lũ chi tiết, quy hoạch đê điều, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và các quy hoạch khác có liên quan (nếu có):

12. Tổng mức đầu tư của dự án:

13. Nguồn vốn đầu tư:

14. Hình thức quản lý dự án:

15. Thời gian thực hiện dự án:

16. Các nội dung khác:

17. Kết luận:

18. Hồ sơ kèm theo gồm:

+ Văn bản đề nghị của chủ đầu tư (bản chính)

+ Hồ sơ dự án: (Thuyết minh dự án, Thiết kế cơ sở)

+ Biên bản nghiệm thu tài liệu khảo sát của chủ đầu tư

+ Ý kiến của các cơ quan quản lý chuyên ngành (cấp Sở) về đê điều, phòng chống lụt bão; tài nguyên môi trường; xây dựng và các cơ quan khác có liên quan (nếu có).

+ Văn bản thẩm tra về an toàn đê điều và thoát lũ của cơ quan có đủ tư cách pháp nhân (đối với công trình có khả năng ảnh hưởng đến an toàn đê điều và thoát lũ).

+ Các tài liệu liên quan (nếu có).

Ủy ban nhân dân tỉnh..... đề nghị Bộ NN-PTNT thẩm định dự án đầu tư xây dựng sử dụng bãi sông nơi chưa có công trình xây dựng ... làm cơ sở để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Tổng cục Phòng chống thiên tai;
-
- Lưu VT.

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú: Mẫu Tờ trình Đề nghị thẩm định dự án đầu tư xây dựng sử dụng bãi sông nơi chưa có công trình xây dựng có thay đổi về căn cứ pháp lý so với Mẫu Tờ trình quy định tại Thông tư 46/2011/TT-BNNPTNT (Cụ thể: (1) Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 thay thế Luật Xây dựng ngày 26/11/2003; (2) Luật Phòng chống thiên tai năm 2013 và Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai thay thế Pháp lệnh Phòng, chống lụt, bão sửa đổi, bổ sung ngày 24 tháng 8 năm 2000 và Nghị định số 08/2006/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Phòng, chống lụt, bão; (3) Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và Nghị định số 42/2017 ngày 5/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng thay thế Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/2/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; (4) Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch phòng, chống lũ và Quy hoạch đê điều hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình thay thế Quyết định số 92/2007/QĐ-TTg ngày 21 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ).

Ưu

II. Tên thủ tục hành chính: Chấp thuận các hoạt động liên quan đến đề điều đối với đề cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III và các hoạt động xây dựng, cải tạo công trình giao thông liên quan đến đề điều mà phạm vi ảnh hưởng từ hai tỉnh trở lên.

1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận gửi hồ sơ đến Tổng cục Phòng, chống thiên tai thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Bước 2: Hoàn chỉnh hồ sơ:

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định hoặc cần bổ sung tài liệu, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Tổng cục Phòng chống, thiên tai thông báo bằng văn bản về những nội dung chưa đầy đủ, yêu cầu bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ.

Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Tổng cục Phòng, chống thiên tai xem xét hồ sơ, nếu đủ điều kiện theo quy định, Tổng cục Phòng, chống thiên tai có ý kiến chấp thuận bằng văn bản và trả kết quả tại Tổng cục Phòng, chống thiên tai hoặc qua hệ thống bưu chính.

2. Cách thức thực hiện

Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp;
- Theo đường bưu điện;

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ gồm:

- Công văn đề nghị của UBND cấp tỉnh;
- Ý kiến bằng văn bản của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình UBND cấp tỉnh về đề nghị của Chủ đầu tư;
- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt bao gồm: Thuyết minh, bản vẽ mặt bằng tổng thể, mặt cắt đại diện, trong đó thể hiện những nội dung liên quan đến đề điều, thoát lũ khi xây dựng công trình;
- Văn bản khác có liên quan đến việc xây dựng, thực hiện dự án (nếu có);
- Đối với công trình mà phạm vi ảnh hưởng từ hai tỉnh trở lên phải có ý kiến bằng văn bản của UBND cấp tỉnh liên quan;
- Trong quá trình xem xét hồ sơ, nếu xét thấy công trình có ảnh hưởng đến an toàn đề điều và thoát lũ thì cơ quan trực tiếp xử lý hồ sơ thông báo bổ sung một hoặc các tài liệu sau: Văn bản thẩm tra của đơn vị tư vấn độc lập về sự ảnh hưởng của công trình đến an toàn đề điều và thoát lũ lòng sông (sự giảm lưu lượng lũ thiết kế; tăng mực nước lũ thiết kế; ảnh hưởng đến dòng chảy khu vực lân cận, thượng lưu, hạ lưu; ổn định lòng dẫn; ổn định thân đê, nền đê khu vực xây dựng công trình); ý kiến bằng văn bản của các cơ quan chức năng liên quan; tài liệu khảo sát địa hình, địa chất để phục vụ cho việc kiểm tra, tính toán làm cơ sở xem xét, chấp thuận.

b) Số lượng: 02 bộ (01 bộ bản chính, 01 bộ bản sao chụp).

ca se

4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định

5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Cơ quan;
- Tổ chức;
- Cá nhân.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: *Tổng cục Phòng, chống thiên tai*

7. Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản chấp thuận

8. Phí, lệ phí: Không

9. Tên mẫu đơn, tờ khai: Không

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC.

- Luật Đê điều số 79/2006/QH11 ngày 29/11/2006;
- Thông tư số 46/2011/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trình tự thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đê điều;

- Thông tư số 11/2017/TT-BNNPTNT ngày 29/5/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT.

12 Cao